

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 768 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thanh Hoá, ngày 13 tháng 12 năm 2016*

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá gabro làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá gabro làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất 10.000 m<sup>3</sup>/năm tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc của Hợp tác xã Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Tiến;

Xét Đơn và hồ sơ của Hợp tác xã Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Tiến (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại mỏ đá gabro làm vật liệu xây dựng thông thường xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1318/TTr-STNMT ngày 05/12/2016,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

a) Cho phép Hợp tác xã Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Tiến được khai thác, chế biến đá gabro làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 2,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$  được xác định trên Bản đồ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát;

- Trữ lượng khoáng sản:

- + Trữ lượng địa chất: 109.554 m<sup>3</sup>; trong đó, đá gabro làm vật liệu xây dựng thông thường là 92.025 m<sup>3</sup>; đá gabro tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát là 17.529 m<sup>3</sup>;

- + Trữ lượng được khai thác: 100.002 m<sup>3</sup>; trong đó, đá gabro làm vật liệu xây dựng thông thường là 84.002 m<sup>3</sup>; đá gabro tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát là 16.000 m<sup>3</sup>;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 10.000 m<sup>3</sup>/năm;

- Cao độ khai thác cao nhất +155,0 m;

- Cao độ khai thác thấp nhất +111,5 m;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 10 năm 6 tháng kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 06 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

b) Chuyển mục đích sử dụng 2,0 ha đất rừng sản xuất tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc và cho Hợp tác xã Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Tiến thuê để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 583/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 10/10/2016;

- Loại đất: Đất rừng sản xuất đơn vị đã bồi thường GPMB, được UBND huyện Ngọc Lặc xác nhận Văn bản số 1349/UBND-TNMT ngày 24/10/2016;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;
- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;
- Thời hạn thuê đất: 10 năm 6 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

**Điều 2. HTX Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Tiến có trách nhiệm:**

1. Nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;
  2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;
  3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;
  4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;
  5. Thực hiện đầy đủ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
  6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

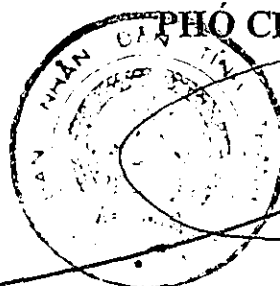
**Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Hoạt động khai thác mỏ đá gabro theo Giấy phép này, Hợp tác xã Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Tiến chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Hợp tác xã Sản xuất VLXD Hưng Tiến;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Quang Trung;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký  
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ..... ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày ..... tháng .... năm 201

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ GABRO LÀM VẬT LIỆU  
XÂY DỰNG TẠI XÃ QUANG TRUNG, HUYỆN NGỌC LẠC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 468 /GP-UBND  
ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

| Khu vực             | Điểm góc | Hệ tọa độ VN-2000<br>Kinh tuyến trực 105, múi chiếu 3 <sup>0</sup> |            |
|---------------------|----------|--------------------------------------------------------------------|------------|
|                     |          | X (m)                                                              | Y (m)      |
| Diện tích<br>2,0 ha | 1        | 2228 198.95                                                        | 540 805.00 |
|                     | 2        | 2228 215.80                                                        | 540 932.89 |
|                     | 3        | 2228 219.69                                                        | 541 030.03 |
|                     | 4        | 2228 150.15                                                        | 541 029.81 |
|                     | 5        | 2228 115.87                                                        | 541 003.77 |
|                     | 6        | 2228 125.04                                                        | 540 915.05 |
|                     | 7        | 2228 114.79                                                        | 540 812.71 |